

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 10/2024/HS-ST

Ngày: 20/02/2024.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Vui

2. Ông Hồ Văn Thái

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đệ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 34/2023/TLST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/HSST-QĐ ngày 23/01/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Vũ D, sinh năm 1995; Tên gọi khác: không; Nơi cư trú: số B tổ A, khu phố A, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ học vấn: lớp 10/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Duy P, sinh năm 1958 và bà Vũ Thị N (đã chết). Bị cáo có vợ là: Phùng Thị Thùy L, sinh ngày 11/12/1994; Nơi cư trú: tổ F, ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Bị cáo có 01 người con, sinh năm 2019.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn là tạm giữ từ ngày 19/7/2023, đến ngày 25/7/2023 chuyển qua tạm giam.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo có mặt tại tòa.

- Bị hại: Phan Vũ T, sinh năm 1992; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Phan Văn Dũng E, sinh năm 1968; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

2. Nguyễn Khắc T1, sinh năm 1993; Nơi cư trú: số F tổ A, ấp F, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

3. Phan Tuấn H, sinh năm 2002; HKTT: số F, đường A, ấp F, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi ở hiện nay: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

4. Lương Hồng T2, sinh năm 1994; Nơi cư trú: số E khu phố E, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

5. Nguyễn Đức H1, sinh năm 1991; Nơi cư trú: số G, tổ G, khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

6. Phòng Thị Thùy L, sinh năm 1994; Nơi cư trú: tổ F, ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

• **Người làm chứng:**

1. Nguyễn Trần Dũng S, sinh năm 2001; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

2. Nguyễn Văn H2, sinh năm 1971; Nơi cư trú: ấp Ô, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

3. Nguyễn Văn V, sinh năm 1969; Nơi cư trú: ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

4. Lý Thị T3, sinh năm 1955; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 11/2022, Phan Tuấn H là em bà con chú bác với Phan Vũ T, sinh ngày 04/10/1992, cư trú ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre có thiếu Nguyễn Khắc T1, sinh ngày 29/01/1993, cư trú số F1/26A tổ A, ấp F, xã L, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh 93.000.000 đồng, Phan Vũ T bảo lãnh H trả tiền cho T1 nhưng chưa trả. Khoảng tháng 3/2023 Nguyễn Vũ D đến quán Đ ở thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng gặp Nguyễn Khắc T1, tại đây T1 thuê D đòi tiền Phan Vũ T, T1 hứa hẹn khi lấy được tiền thì T1 trả cho D là 20% số tiền đòi được, sau đó T1 đã chuyển cho D 10.000.000 đồng làm phí đi lại.

Ngày 30/3/2023, D thuê Huỳnh Kim T4, sinh ngày 01/10/1986, cư trú số F, đường số B, ấp H, xã H, thành phố L, tỉnh Đồng Nai điều khiển xe ô tô biển số 60A-682.16 chở Nguyễn Vũ D, Lương Hồng T2, sinh ngày 01/5/1994, cư trú số E693a, khu phố E, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Đức H1, sinh ngày 18/5/1991, cư trú khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Phi H3, sinh ngày 09/12/1980, cư trú số 65/321 khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai về Bến Tre tìm đến nhà Phan Vũ T để đòi tiền. Khi đến thành phố B, Nguyễn Vũ D điện thoại nói T trả tiền cho T1 nhưng T trả lời

không trả nên D đưa tiền cho Nguyễn Phi H3 người đi cùng ghé chợ B mua hung khí đem theo để hù dọa T.

Đến khoảng 14 giờ 45 phút ngày 30/3/2023, Nguyễn Vũ D tìm đến nhà gặp Phan Vũ T đòi tiền nhưng T không trả nên hai bên xảy ra cự cãi; lúc này D quay ra một đoạn đường nơi những người đi cùng với D đang đứng lấy một hung khí dạng lưỡi liềm nhưng không rõ là ai đưa cho D rồi quay lại, thấy vậy Phan Vũ T ôm Nguyễn Vũ D nhưng bị D dùng lưỡi liềm bổ vào người của T nhiều cái gây thương tích và bỏ hung khí tại hiện trường, D cùng những người bạn ra về, trên đường đi những người bạn của D đã bỏ lại một số hung khí trên phần đất vườn của bà Lý Thị T3.

Vật chứng:

Phan Văn Dũng E (cha của T) giao nộp:

- 01 hung khí có cán gỗ dài 26cm, lưỡi cong bằng kim loại dài 33cm, dạng giống lưỡi liềm, một bề bén, nơi rộng nhất 03cm, mũi nhọn (hung khí gây án).
- 01 túi đựng bằng nylon màu xanh cam, dạng túi xách, kích thước 35cm x 35cm, có chữ LIDL.
- 01 nón kết, mặt trước màu đỏ, mặt sau màu đen.

Lý Thị T3 giao nộp:

- 01 con dao dài 35,3cm, cán gỗ dạng tròn dài 13,3cm, lưỡi bằng kim loại, một bề bén, mũi nhọn, rộng nhất 5,5cm.
- 01 con dao dài 59cm, cán gỗ dài 26cm, lưỡi cong bằng kim loại dài 33cm, dạng giống lưỡi liềm, một bề bén, nơi rộng nhất 03cm, mũi nhọn.

Phan Vũ T giao nộp 01 đĩa DVD hiệu MAXELL, chứa 02 tập tin gồm: “chuồng gà”.mp4, dung lượng 47,894KB và “trước cổng.mp4”, dung lượng 39,286KB (hình ảnh ghi lại lúc D đi vào nhà T).

Theo Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể số 177/23/KLTTCT-TTPYBT ngày 26/5/2023 của Trung tâm P1, Sở Y tế tỉnh B đối với thương tích Phan Vũ T kết luận như sau:

1. Các kết quả chính:

- Sẹo vai trái kích thước lớn.
- Sẹo mặt sau ngoài cánh tay trái kích thước nhỏ.
- Sẹo mặt ngoài 1/3 trên cánh tay trái kích thước trung bình.
- Sẹo đốt xa ngón 1 tay trái kích thước nhỏ.
- Sẹo gót chân phải kích thước lớn.
- Sẹo lưng phải kích thước trung bình.
- Sẹo hông lưng trái kích thước trung bình.
- Gãy 1/3 giữa xương đòn trái.

2. Kết luận:

- Căn cứ Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của [Bộ Y](#) quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y và giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của [Phan Vũ T](#) tại thời điểm giám định là 18% (mười tám phần trăm), theo phương pháp cộng tại Thông tư.

- Cơ chế hình thành thương tích: là do vật sắc nhọn gây ra.

Phần dân sự: [Phan Vũ T](#) yêu cầu [Nguyễn Vũ D](#) bồi thường tổng tiền dân sự là 573.291.000 đồng, gồm: Tiền viện phí là 13.291.000 đồng ; [T5](#) thuê 03 người làm trong 02 tháng [T](#) không lao động được là 60.000.000 đồng ; Tiền thu nhập bị mất trong 02 tháng là 450.000.000 đồng; Tiền tổn thất tinh thần là 50.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra bị cáo [D](#) chỉ đồng ý bồi thường cho bị hại tổng số tiền là 33.291.000 đồng, gồm tiền viện phí 13.291.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần 20.000.000 đồng. Bị cáo đã nhờ vợ là [Phòng Thị Thùy L](#) nộp số tiền 5.000.000 đồng tại cơ quan thi hành án dân sự [huyện M](#) để bồi thường một phần trách nhiệm về dân sự cho bị hại.

Tại cáo trạng số 30/CT-VKSMCB, ngày 30/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đã truy tố bị cáo [Nguyễn Vũ D](#) về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm đ, khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1), Điều 134 của Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quan điểm cáo trạng đã truy tố và đề nghị:

Áp dụng điểm đ, khoản 2 (thuộc trường hợp được quy định tại các điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo [Nguyễn Vũ D](#) từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/7/2023.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị:

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 con dao dài 59cm, cán gỗ dài 26cm, lưỡi cong bằng kim loại dài 33cm, dạng giống lưỡi liềm, một bề bén, nơi rộng nhất 03cm, mũi nhọn.

- 01 túi đựng bằng nylon màu xanh cam, dạng túi xách, kích thước 35cm x 35cm, có chữ LIDL.

- 01 nón kết, mặt trước màu đỏ, mặt sau màu đen.

- 01 con dao dài 35,3cm, cán gỗ dạng tròn dài 13,3cm, lưỡi bằng kim loại, một bề bén, mũi nhọn, rộng nhất 5,5cm.

- 01 con dao dài 59cm, cán gỗ dài 26cm, lưỡi cong bằng kim loại dài 33cm, dạng giống lưỡi liềm, một bề bén, nơi rộng nhất 03cm, mũi nhọn (hung khí gây án).

Tịch thu đưa vào hồ sơ vụ án: 01 đĩa DVD hiệu MAXELL, chứa 02 tập tin gồm: “chuồng gà”.mp4, dung lượng 47,894KB và “trước cổng.mp4”, dung lượng 39,286KB (hình ảnh ghi lại lúc [D](#) đi vào nhà [T](#)).

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận bị cáo [Nguyễn Vũ D](#) đồng ý bồi thường các khoản thiệt hại cho bị hại [Phan Vũ T](#) như sau: Tiền viện phí là 13.291.000 đồng. Tiền thu nhập bị mất trong 02 tháng là 30.000.000 đồng. Tiền tổn thất tinh thần là 20.000.000 đồng. Tổng cộng là 63.291.000 đồng. Trong quá trình điều tra bị cáo đã nhờ vợ là [Phòng Thị Thùy L](#) nộp 5.000.000 đồng tạm giữ tại cơ quan thi hành án dân sự [huyện M](#) để đảm bảo cho việc thi hành án về phần dân sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 58.291.000 đồng.

Tại phiên Tòa sơ thẩm bị cáo [Nguyễn Vũ D](#) khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện giống như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo; thừa nhận hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật nên không có ý kiến tranh luận với quan điểm của Viện kiểm sát nhưng có yêu cầu xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Về dân sự bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại các khoản thiệt hại gồm tiền viện phí 13.291.000 đồng, tiền thu nhập của bị hại bị mất trong 02 tháng là 30.000.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần 20.000.000 đồng; bị cáo đã nhờ vợ là [Phòng Thị Thùy L](#) nộp 5.000.000 đồng để bồi thường một phần dân sự.

Tại phiên Tòa sơ thẩm bị hại [Phan Vũ T](#) không có ý kiến tranh luận với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Về trách nhiệm hình sự, bị hại có yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định của pháp luật; Về trách nhiệm dân sự, bị hại vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình điều tra, yêu cầu bị cáo [Nguyễn Vũ D](#) bồi thường tổng số tiền thiệt hại gồm: Tiền viện phí là 13.291.000 đồng. Tiền thu nhập bị mất trong hai tháng là 450.000.000 đồng vì bị hại cho rằng mình làm nghề kinh doanh gà đá, thu nhập mỗi con gà bán có lời khoảng 2.000.000 đồng/con, hàng ngày bị cáo có lúc bán được 30 con gà mỗi ngày. Vì bị cáo gây thiệt hại nên không lao động tạo ra thu nhập được nên yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho mình. Tiền tổn thất tinh thần là 50.000.000 đồng. Đối với số tiền thuê 03 người làm việc cho bị hại trong 02 tháng bị hại không lao động được thì bị hại xin rút yêu cầu đối với số tiền này.

Tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan [Phan Văn D1](#) Em trình bày: ông là cha ruột của bị hại [Phan Vũ T](#), sự việc diễn ra ông đã trình bày tại cơ quan điều tra [Công an huyện M](#) nên nay vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày, không bổ sung gì thêm.

Bị cáo [Nguyễn Vũ D](#) nói lời sau cùng: bị cáo xin lỗi bị hại, bị cáo rất ăn năn, hối hận đối với hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra [Công an huyện M](#), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân [huyện M](#), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo [Nguyễn Vũ D](#) thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo; lời khai nhận tội của bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Với động cơ và mục đích đi tìm người để đòi nợ nhưng không được nên khoảng 14 giờ 45 phút ngày 30/3/2023, tại [ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre](#), [Nguyễn Vũ D](#) dù không mâu thuẫn với [Phan Vũ T](#) nhưng khi đòi tiền [T](#) không trả nên [D](#) đã dùng lưỡi liềm bổ nhiều cái vào người của [Phan Vũ T](#) gây tổn thương cơ thể do thương tích là 18%.

Vì vậy, Cáo trạng số 30/CT-VKS MCB, ngày 30/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc truy tố bị cáo [Nguyễn Vũ D](#) về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ, khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1), Điều 134 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm...;

...

i) Có tính chất côn đồ;

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

...

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này”.

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hội đồng xét xử xét thấy, trong vụ án này giữa bị cáo [Nguyễn Vũ D](#) và bị hại [Phan Vũ T](#) hoàn toàn không có mâu thuẫn gì với nhau sâu sắc nhưng chỉ vì sau khi gặp bị hại, có lời qua tiếng lại với nhau và vì sự bức tức nóng giận mà bị cáo đã sử dụng lưỡi liềm là hung khí sắc bén bổ nhiều cái vào người của [Phan Vũ T](#) gây tổn thương cơ thể do thương tích là 18%.

Hành vi của bị cáo [Nguyễn Vũ D](#) là nguy hiểm cho xã hội, có tính chất côn đồ đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe là vốn quý nhất của con người, được nhà nước và pháp luật bảo vệ. Hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra đã làm ảnh hưởng khó khăn cho cuộc sống sinh hoạt bình thường của bị hại và làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an xã hội, tạo tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện điều đó đã thể hiện tính xem thường pháp luật của bị cáo. Khi thực hiện hành vi bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên phải gánh chịu trách nhiệm hình sự đối với hậu quả do hành vi của bị cáo đã trực tiếp gây ra.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo [Nguyễn Vũ D](#) không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo [Nguyễn Vũ D](#) đã tự nguyện tác động gia đình bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Ngoài ra tại phiên tòa sơ thẩm bị hại có yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo đã tự nguyện đầu thú, bị cáo có con nhỏ, là lao động chính trong gia đình, có ông nội [Nguyễn Duy M](#) tham gia kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Căn cứ vào tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù bị cáo [Nguyễn Vũ D](#) không có tiền án, tiền sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng do bản thân bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng, có tính chất côn đồ nên hành vi của bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về tính mạng, sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự an xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân nên cần thiết áp dụng hình phạt tù thật nghiêm khắc đối với bị cáo, cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo được tính răn đe, phòng ngừa chung cho cộng đồng.

[8] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 con dao dài 59cm, cán gỗ dài 26cm, lưỡi cong bằng kim loại dài 33cm, dạng giống lưỡi liềm, một bề bén, nơi rộng nhất 03cm, mũi nhọn.

- 01 túi đựng bằng nylon màu xanh cam, dạng túi xách, kích thước 35cm x 35cm, có chữ LIDL.

- 01 nón kết, mặt trước màu đỏ, mặt sau màu đen.
- 01 con dao dài 35,3cm, cán gỗ dạng tròn dài 13,3cm, lưỡi bằng kim loại, một bề bên, mũi nhọn, rộng nhất 5,5cm.
- 01 con dao dài 59cm, cán gỗ dài 26cm, lưỡi cong bằng kim loại dài 33cm, dạng giống lưỡi liềm, một bề bên, nơi rộng nhất 03cm, mũi nhọn (hung khí gây án).

Tịch thu đưa vào hồ sơ vụ án: 01 đĩa DVD hiệu MAXELL, chứa 02 tập tin gồm: “chuồng gà”.mp4, dung lượng 47,894KB và “trước cổng.mp4”, dung lượng 39,286KB (hình ảnh ghi lại lúc D đi vào nhà T).

[9] Về trách nhiệm dân sự:

Xét yêu cầu về phân trách nhiệm dân sự của bị hại Phan Vũ T tại tòa như sau: Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tiền viện phí là 13.291.000 đồng. Tiền thu nhập bị mất trong hai tháng là 450.000.000 đồng; Tiền tổn thất tinh thần là 50.000.000 đồng. Đối với yêu cầu về tiền viện phí bị cáo D đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với tiền mất thu nhập mà bị hại Phan Vũ T yêu cầu, Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù bị hại trình bày mình có thu nhập cao từ việc chăn nuôi gà đá nhưng bị hại không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày này. Nếu căn cứ vào trình bày của bị hại tại Tòa mỗi con gà bị hại mua đi, bán lại thì lời được 2.000.000 đồng và trung bình mỗi tháng thì bán được khoảng 30 con thì yêu cầu tiền mất thu nhập trong hai tháng mà bị hại yêu cầu là 450.000.000 đồng cũng không hợp lý. Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo D tự nguyện đồng ý bồi thường cho bị hại tiền mất thu nhập trong hai tháng là 30.000.000 đồng, tương đương khoảng 500.000 đồng/ngày công lao động. Hội đồng xét xử thấy rằng, với mức thu nhập 500.000 đồng/ngày là cao hơn thu nhập trung bình của lao động phổ thông tại địa phương, xét thấy do bị cáo đồng ý với chi phí này nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với tiền thuê 03 người làm việc trong hai tháng mà bị hại không lao động được là 60.000.000 đồng, tại phiên tòa bị hại có trình bày rút yêu cầu với phần này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với tiền tổn thất tinh thần, bị hại yêu cầu 50.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy pháp luật quy định thiệt hại về tinh thần là tổn thất về tinh thần mà chủ thể bị xâm phạm phải chịu những đau thương, buồn phiền, mất mát,...mất uy tín hoặc bị mọi người xa lánh.... Trong trường hợp này, bị hại phải chịu những đau đớn về thể xác và tinh thần nên Hội đồng xét xử thấy rằng cần chấp nhận mức bồi thường tổn thất tinh thần là khoảng 11 lần x 1.800.000 đồng (lương cơ sở hiện nay) = 19.800.000 đồng, theo đó đại diện viện kiểm sát đề nghị làm tròn số tiền tổn thất tinh thần là 20.000.000 đồng cũng phù hợp và bị cáo cũng đồng ý với số tiền này nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền này.

Như vậy, tổng cộng số tiền bị cáo có nghĩa vụ bồi thường là 63.291.000 đồng. Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã tác động vợ bị cáo ([Phòng Thi Thùy L](#)) nộp 5.000.000 đồng để bồi thường một phần dân sự. Do đó, cần buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền là 58.291.000 đồng

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan [Phòng Thi Thùy L](#) cũng không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền đã bồi thường cho bị hại thay cho bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Đối với [Nguyễn Phi H3](#) người mua hung khí đã chết. Đối với [Nguyễn Khắc T1](#) chỉ yêu cầu đòi tiền, không biết việc bị cáo [D](#) gây thương tích cho [Phan Vũ T](#); [Huỳnh Kim T4](#) lái xe ô tô, [Lương Hồng T2](#), [Nguyễn Đức H1](#) tuy có cầm hung khí đến gần hiện trường, nhưng bị cáo [D](#) với những người đi cùng không có sự trao đổi bàn bạc gì và cũng không có hành động gì tác động đến bị cáo [D](#) gây thương tích cho [T2](#) nên không có căn cứ xử lý hình sự đối với những người này.

Đối với số tiền nợ 93.000.000 đồng của [Phan Tuấn H](#) với [Nguyễn Khắc T1](#), [H](#) và [T1](#) khai là do đánh bạc qua mạng nhưng trong quá trình điều tra không đủ cơ sở để chứng minh tội đánh bạc nên không xem xét trong vụ án này.

[11] Luận tội và tranh luận của kiểm sát viên đã cân nhắc tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để đề nghị mức hình phạt, đề nghị xử lý vật chứng là thỏa đáng và phù hợp nên được chấp nhận toàn bộ.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: bị cáo [Nguyễn Vũ D](#) phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo [Nguyễn Vũ D](#) phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm đ, khoản 2 (thuộc trường hợp được quy định tại các điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo [Nguyễn Vũ D](#) 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/7/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 con dao dài 59cm, cán gỗ dài 26cm, lưỡi cong bằng kim loại dài 33cm, dạng giống lưỡi liềm, một bề bén, nơi rộng nhất 03cm, mũi nhọn.

- 01 túi đựng bằng nylon màu xanh cam, dạng túi xách, kích thước 35cm x 35cm, có chữ LIDL.

- 01 nón kết, mặt trước màu đỏ, mặt sau màu đen.
- 01 con dao dài 35,3cm, cán gỗ dạng tròn dài 13,3cm, lưỡi bằng kim loại, một bề bên, mũi nhọn, rộng nhất 5,5cm.
- 01 con dao dài 59cm, cán gỗ dài 26cm, lưỡi cong bằng kim loại dài 33cm, dạng giống lưỡi liềm, một bề bên, nơi rộng nhất 03cm, mũi nhọn (hung khí gây án).

Tịch thu đưa vào hồ sơ vụ án: 01 đĩa DVD hiệu MAXELL, chứa 02 tập tin gồm: “chuồng gà”.mp4, dung lượng 47,894KB và “trước cổng.mp4”, dung lượng 39,286KB.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo [Nguyễn Vũ D](#) bồi thường thiệt hại cho bị hại [Phan Vũ T](#) các khoản tiền cụ thể như sau:

- + Tiền viện phí là 13.291.000 đồng.
- + Tiền thu nhập bị mất trong 02 tháng là 30.000.000 đồng.
- + Tiền tổn thất tinh thần là 20.000.000 đồng.

Tổng cộng: 63.291.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 5.000.000 đồng do [Phòng Thi Thù L](#) nộp theo biên lai thu số 0000560 ngày 19/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc. Buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại [Phan Vũ T](#) số tiền là 58.291.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Ghi nhận [Phòng Thi Thù L](#) không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 23, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án buộc bị cáo [Nguyễn Vũ D](#) phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.915.000 đồng (Hai triệu chín trăm mười lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Sở tư pháp tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ cày Bắc;
- Công an huyện Mỏ cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mỏ cày Bắc;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Cao Thanh Minh